TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **30**/2019/QĐST–HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 02 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 80/2019/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và giao con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Trần Thị Mỹ H1**, snh năm 1990;

2. Anh **Phạm Hoàng H2**, snh năm 1989;

Đều cư trú: Thôn P1, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung giữa anh H2 và chị H1 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống cãi vã nhiều lần . Nay anh H2 và chị H1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh H2 và chị H1.

[2] ***Về con chung:*** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 đều xác định anh, chị có 02 con chung gồm: Phạm Tiến C, sinh ngày 24/12/2014 (Nam);

Phạm Trần Diệp A, sinh ngày 23/11/2018 (Nữ); Cả hai con đang ở với anh Phạm Hoàng H2 tại thôn P1, xã H, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 tự nguyện thỏa thuận giao cả hai cháu Phạm Tiến Chí và Phạm Trần Diệp Anh cho anh Phạm Hoàng H2 được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 thỏa thuận việc giao nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] ***Về cấp dưỡng nuôi con:*** Anh Phạm Hoàng H2 không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

[4] ***Về tài sản chung***: Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] ***Về nghĩa vụ tài sản***: Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 xác định giữa anh, chị không nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 thuận tình ly hôn.

1.2. **Về con chung:** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 đều xác định anh, chị có 02 con chung gồm: Phạm Tiến C, sinh ngày 24/12/2014 (Nam); Phạm Trần Diệp A, sinh ngày 23/11/2018 (Nữ); Cả hai con đang ở với anh Phạm Hoàng H2).

Khi ly hôn, giao cho anh Phạm Hoàng H2 được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Phạm Tiến C và Phạm Trần Diệp A cho đến khi đủ 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

1.3. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh Phạm Hoàng H2 không yêu cầu chị Trần Thị Mỹ H1 cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

1.4. **Về tài sản chung:** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

1.5. **Về nghĩa vụ tài sản chung:** Anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 xác định anh, chị không nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

1.6. **Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ** (*Ba trăm nghìn đồng*), anh Phạm Hoàng H2 và chị Trần Thị Mỹ H1 mỗi người có nghĩa vụ nộp **150.000 đồng** (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) sung ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ xong số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002613, ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. **Về các vấn đề khác**: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi H1nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THA huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình H;
- Lưu hồ sơ việc dân sự, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Quang Toại